

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt đề cương phương án quy hoạch phát triển  
những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn của tỉnh Bình Thuận  
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Quyết định số 348/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 3084/TTr-SKHDT-KH ngày 08 tháng 7 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề cương phương án quy hoạch phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn của tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Kèm theo Đề cương nội dung chi tiết).

**Điều 2.** Căn cứ vào Đề cương được phê duyệt nêu trên, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, cùng các đơn vị, cơ quan có liên quan theo chức năng và phạm vi trách nhiệm được giao, tổ chức và chỉ đạo việc triển khai thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị, cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng, các PVP.UBND tỉnh;
- Các phòng: Kinh tế, ĐTQH XD, KGVXNV;
- Lưu: VT, TH Hùng (02)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Ủy ban  
Nhân dân tỉnh Bình  
Thuận

Ngày ký:  
04.08.2020 08:08:05  
+07:00

**Lương Văn Hải**

**NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG**

**Phương án quy hoạch phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn của tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1773 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**I. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN CÁC KHU VỰC KHÓ KHĂN, ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN CỦA TỈNH BÌNH THUẬN**

**1. Phân tích, đánh giá tác động các nhân tố về điều kiện tự nhiên:**

- Vị trí địa lý.
- Địa hình, địa chất.
- Khí hậu, thủy văn.
- Tài nguyên thiên nhiên.

**2. Phân tích, đánh giá các nhân tố về lịch sử, văn hóa, xã hội:**

- Dân số, dân tộc.
- Trình độ học vấn, nhận thức của người dân.
- Các yếu tố về lịch sử, văn hóa, thói quen, tập quán của người dân.
- Các yếu tố xã hội khác.

**3. Phân tích, đánh giá nhân tố về cơ chế, chính sách, nguồn lực:**

- Phân tích, đánh giá các cơ chế, chính sách phát triển các vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn của tỉnh.
- Phân tích, đánh giá các nguồn lực cho phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn của tỉnh: Vốn, nhân lực, khoa học công nghệ,...

**II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÁC KHU VỰC KHÓ KHĂN, ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN CỦA TỈNH BÌNH THUẬN**

**1. Phân tích, đánh giá thực trạng kinh tế của các vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn:**

Tập trung phân tích, đánh giá về quy mô sản xuất, cơ cấu sản xuất, các ngành, sản phẩm chủ yếu sản xuất trên địa bàn, phương thức sản xuất, công nghệ, kỹ thuật sản xuất, thu nhập của hộ gia đình, thu nhập bình quân đầu người của dân cư tại các vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn.

**2. Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển các lĩnh vực xã hội:**

- Dân số, lao động.
- Việc làm và mức sống dân cư.
- Tình trạng đói nghèo, chính sách đối với người nghèo và người có công.
- Chăm sóc sức khỏe.
- Giáo dục và đào tạo
- Văn hóa, thể thao.

### **3. Phân tích, đánh giá thực trạng kết cấu hạ tầng và môi trường:**

- Phân tích, đánh giá thực trạng hạ tầng kỹ thuật, bao gồm: Giao thông vận tải, thủy lợi, cấp điện, thông tin và truyền thông, cung cấp nước sạch, thu gom và xử lý rác thải, chất thải,... Trong đó tập trung vào hạ tầng kết nối vùng với khu vực bên ngoài, hạ tầng phục vụ cho thương mại và lưu thông hàng hóa trong vùng và giữa vùng với các khu vực phát triển lân cận khác.

- Phân tích, đánh giá thực trạng hạ tầng các lĩnh vực xã hội như: Y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa, thể thao,...
- Phân tích, đánh giá thực trạng môi trường và bảo vệ môi trường.

### **4. Phân tích, đánh giá tổng hợp thực trạng các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn của tỉnh:**

- Các mặt đã đạt được.
- Các khó khăn, hạn chế tồn tại.
- Nguyên nhân và các vấn đề rút ra cần phải giải quyết trong thời kỳ quy hoạch.

## **III. ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NHỮNG KHU VỰC KHÓ KHĂN, ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN CỦA TỈNH**

### **1. Dự báo tác động của các nhân tố đến phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn của tỉnh:**

- Tác động của các nhân tố nội vùng.
- Tác động của các nhân tố bên ngoài.
- Phân tích, đánh giá những thuận lợi, khó khăn, thời cơ, thách thức cho phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn của tỉnh.

### **2. Đề xuất quan điểm, mục tiêu phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050:**

- Quan điểm phát triển.
- Mục tiêu phát triển.

### **3. Phương án phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn của tỉnh:**

- Phương án phát triển kinh tế.

- Phương án phát triển các lĩnh vực xã hội.
- Phương án phát triển kết cấu hạ tầng.
- Phương án liên kết phát triển, giảm thiểu khó khăn, tận dụng cơ hội tạo sự bứt phá trong phát triển.

#### **4. Đề xuất danh mục dự án ưu tiên phát triển các khó khăn, đặc biệt khó khăn của tỉnh:**

- Tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn của tỉnh thời kỳ quy hoạch.

- Luận chứng xây dựng danh mục dự án ưu tiên ưu phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn của tỉnh thời kỳ quy hoạch.

#### **IV. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NHỮNG KHU VỰC KHÓ KHĂN, ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN CỦA TỈNH BÌNH THUẬN**

1. Giải pháp về nguồn lực: Xác định nhu cầu nguồn lực, khả năng huy động và giải pháp huy động nguồn lực cho phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn của tỉnh.

2. Giải pháp về cơ chế, chính sách.

3. Giải pháp về tổ chức thực hiện./.